

Bản án số: 44/2023/DS-ST

Ngày: 06/4/2023

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 11, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Ngọc Diệp.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lương Viễn Tú;

2. Bà Nguyễn Thị Kim Hương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Quyên - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 4 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 136/2022/TLST-DS ngày 07 tháng 10 năm 2022 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2023/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 02 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2023/QĐST-DS ngày 15 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Lưu Hoàng D, sinh năm 1968; địa chỉ: đường L, phường C, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh – (vắng mặt - có đơn xin xét xử vắng mặt);

Bị đơn: Ông Võ Duy Đ, sinh năm 1986; địa chỉ: Đường M, Phường L, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh – (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ngày 18/7/2020, ông Lưu Hoàng D cho ông Võ Duy Đ mượn số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng). Khi mượn, ông Đ có viết tay “Giấy mượn tiền”, trong đó ông Đ có ký tên, lăn tay ghi rõ nội dung mượn tiền và cam kết trả hết số tiền trên vào ngày 18/8/2020. Ông D đã chuyển số tiền trên từ số tài khoản của ông D đến số tài khoản của ông Đ trong cùng Ngân hàng Thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam (Vietcombank).

Tuy nhiên, đến ngày 18/8/2020 ông Đ không trả tiền. Ông D đã nhiều lần liên lạc nhưng ông Đ né tránh và không hoàn trả số tiền 50.000.000 đồng cho ông D.

** Theo đơn khởi kiện nộp ngày 17/02/2022, bản tự khai, biên bản không tiến hành hòa giải được ngày 06/02/2023, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn - ông Lưu Hoàng D – yêu cầu Tòa án:*

Buộc ông Võ Duy Đ trả cho ông Lưu Hoàng D số tiền 50.000.000 đồng. Đồng thời yêu cầu ông Đ trả tiền lãi suất chậm trả là 10%/năm cho đến khi ông Đ thanh toán hết số tiền nợ nói trên. Tạm tính từ ngày 19/8/2020 đến 19/01/2023 là 29 tháng là 12.083.333 đồng.

$(50.000.000 \text{ đồng} \times 10\% \text{ năm} / 12 \text{ tháng}) \times 29 \text{ tháng} = 12.083.333 \text{ đồng}.$

Tạm tính đến ngày 19/01/2023, ông Đ phải trả cho ông D số tiền là 62.500.000 đồng, trong đó nợ gốc là 50.000.000 đồng, nợ lãi là 12.083.333 đồng.

** Bị đơn – ông Võ Duy Đ:* Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng như Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo mở phiên họp về kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, ... nhưng ông Đ vẫn vắng mặt không có lý do.

** Tại phiên tòa:*

- Nguyên đơn – ông Lưu Hoàng D: Vắng mặt và có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn – ông Võ Duy Đ: đã được Tòa án nhân dân Quận 11 triệu tập họp lệ nhưng bị đơn vắng mặt, không có lý do.

** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 phát biểu quan điểm:*

Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tiến hành xét xử đúng quy định pháp luật. Tuy nhiên Thẩm phán chưa đảm bảo về thời hạn tổng đạt thông báo thụ lý, thời hạn chuẩn bị xét xử, ...

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lưu Hoàng D, buộc ông Võ Duy Đ có nghĩa vụ trả cho ông Lưu Hoàng D số tiền 63.163.242 đồng, trong đó nợ gốc là 50.000.000 đồng, nợ lãi là 13.163.242 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án:*

Ông Võ Duy Đ có ký Giấy mượn tiền ngày 18/7/2020 với ông Lưu Hoàng D. Do đó, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định, ông D và ông Đ có xác lập giao dịch dân sự. Ông D khởi kiện yêu cầu ông Đ hoàn trả tiền nên đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Theo kết quả xác minh của Công an phường An Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh: *Đương sự Võ Duy Đ, sinh năm: 1986 không có đăng ký thường trú, tạm trú và không thực tế cư trú tại địa chỉ 84 đường 1S, khu phố 5, phường An Phú, Thành phố Thủ Đức.*

Theo kết quả xác minh của Công an Phường 9, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh: *Đương sự Võ Duy Đ, sinh năm: 1986 có HKTT tại 528/9C Minh Phụng, Phường 9, Quận 11 nhưng không thực tế cư trú tại địa phương, không rõ nơi ở hiện nay.*

Hội đồng xét xử có cơ sở xác định ông Đ có nơi cư trú cuối cùng tại địa chỉ: 528/9C Minh Phụng, Phường 9, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh; ông Đ là người phải thực hiện nghĩa vụ với ông D nhưng ông Đ thay đổi nơi cư trú không báo cho ông D nên thuộc trường hợp cố tình giấu địa chỉ theo hướng dẫn tại Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/7/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao. Do đó vụ án dân sự này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh được quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ngoài các tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra tại phiên họp về việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 06/02/2023, các đương sự không bổ sung thêm tài liệu, chứng cứ nào khác.

[2] Về yêu cầu của đương sự:

[2.1] Về tiền nợ gốc: Ông Lưu Hoàng D yêu cầu ông Võ Duy Đ trả cho ông D số tiền nợ gốc là 50.000.000 đồng ngay sau khi Bản án có hiệu lực pháp luật.

Căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn, Giấy mượn tiền ngày 18/7/2020 có nội dung: *Tôi có mượn anh Lưu Hoàng D... số tiền 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng chẵn). Tôi sẽ trả hết vào ngày 18/8/2020.* Giấy mượn tiền có chữ ký của ông Võ Duy Đ.

“Giấy mượn tiền” ngày 18/07/2020 được xác định là hợp đồng vay có kì hạn. Hợp đồng được giao kết trên cơ sở tự nguyện nên có giá trị pháp lý, ràng buộc các bên phải có nghĩa vụ thực hiện.

Điều 463 của Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: *"Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định".*

Ông Đ không thanh toán đúng hạn là vi phạm thỏa thuận tại Giấy mượn tiền ngày 18/7/2020. Căn cứ Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2018, Hội đồng xét xử xét thấy việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn thực hiện nghĩa vụ trả nợ đối với số tiền 50.000.000 đồng là có căn cứ nên chấp nhận.

[2.2] Về tiền lãi: Ông Lưu Hoàng D yêu cầu Tòa án buộc ông Võ Duy Đ trả tiền lãi suất chậm trả là 10%/năm cho đến khi ông Đ thanh toán xong toàn bộ số tiền nợ gốc nêu trên, số tiền lãi tính tới ngày xét xử là 13.163.242 đồng.

Theo “Giấy mượn tiền” hai bên đã ký kết, nội dung không thể hiện thỏa thuận về lãi suất.

Căn cứ Điều 466 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định:

“Điều 466. Nghĩa vụ trả nợ của bên vay.

...

4. Trường hợp vay không có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì bên cho vay có quyền yêu cầu trả tiền lãi với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc luật có quy định khác.” ...

“Điều 468. Lãi suất

...

2. Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều này tại thời điểm trả nợ.”

Do đó, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền lãi chậm trả từ khi ông Đ vi phạm nghĩa vụ thanh toán (19/8/2020) cho đến khi thanh toán hết khoản nợ gốc nói trên với lãi suất 10%/năm là có cơ sở, phù hợp quy định pháp luật.

Ông Đ có nghĩa vụ thanh toán cho ông D từ ngày 19/8/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm (06/4/2023), 31 tháng 18 ngày, số tiền lãi chậm trả là 13.163.242 đồng.

$50.000.000 \text{ đồng} \times (10\%/năm : 12 \text{ tháng}) \times 31 \text{ tháng} + 10\%/năm : 365 \text{ ngày} \times 18 \text{ ngày}) = 13.163.242 \text{ đồng}.$

Từ những nhận định trên, căn cứ vào các Điều 463, Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc ông Võ Duy Đ có nghĩa vụ trả nợ cho ông Lưu Hoàng D số tiền là 63.163.242 đồng, trong đó nợ gốc là 50.000.000 đồng, nợ lãi là 13.163.242 đồng.

Ngoài ra, kể từ ngày 07/4/2023 cho đến khi thi hành án xong, ông Đ còn phải trả khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3] Về án phí:

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Hoàn trả lại toàn bộ án phí mà nguyên đơn đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án tại Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố Thủ Đức.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 36; Điều 68; Điều 228; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ các Điều 463, 466, 468 và Điều 470 Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;
- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự;
- Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 của Bộ luật Tố tụng dân sự,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của ông Lưu Hoàng D.

Buộc ông Võ Duy Đ có nghĩa vụ hoàn trả cho ông Lưu Hoàng D số tiền là 63.163.242 đồng, trong đó nợ gốc là 50.000.000 đồng, nợ lãi là 13.163.242 đồng.

Kể từ ngày 07/4/2023 cho đến khi thi hành án xong, ông Đ còn phải trả khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Võ Duy Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 3.158.162 đồng (Ba triệu một trăm năm mươi tám nghìn một trăm sáu mươi hai đồng).

Hoàn trả lại cho ông Lưu Hoàng D số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.250.000 đồng (Một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0025950 ngày 31/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Các quyền và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự được thực hiện tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Quận 11;
- Chi cục Thi hành án dân sự
Thành phố Thủ Đức;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Ngọc Diệp

3. Các quyền và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự được thực hiện tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết./.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Ngọc Diệp